

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân
2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đức T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn A, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-12-2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đức T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04-10-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T lười biếng không lo làm ăn, ham chơi, không quan tâm đến vợ, kể cả khi chị đang mang thai, bị bệnh nằm viện, đến khi chị sinh con thì anh T cũng

không quan tâm, chăm sóc vợ con. Khi chị mang thai được 04 tháng, vì sức khỏe yếu nên chị về nhà mẹ đẻ tại thôn A, xã N, huyện T ở thì anh T ít đến thăm nom chị. Chị sinh con được 01 tháng thì anh T không còn đến thăm nom mẹ con chị tháng 8-2019 cho đến nay. Chị nhận thấy vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm lo lắng, không yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Trần Đức T có 01 con chung tên Trần Trần Nhật L, sinh ngày: 24-7-2019. Hiện cháu L đang ở với chị, nên khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu L cho chị trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Thành cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Trần Đức T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa.

Tại biên bản làm việc ngày 13-01-2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Quảng Ngãi xác nhận: Chính quyền địa phương không biết và không nhận được thông tin gì về việc mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Trần Đức T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn anh Trần Đức T; Về con chung: Giao con chung tên Trần Trần Nhật L, sinh ngày: 24-7-2019 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Đức T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có;

Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; Anh Trần Đức T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Trần Thị Mỹ H khởi kiện thì anh Trần Đức T đang cư trú tại thôn A, xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn anh Trần Đức T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh Thành tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Đức T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Mỹ H và anh Trần Đức T tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04-10-2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ H và anh Trần Đức T là hợp pháp.

Theo trình bày của chị Trần Thị Mỹ H thì sau khi kết hôn, chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Thành lười biếng không lo làm ăn, ham chơi, không quan tâm đến vợ, kể cả khi chị đang mang thai, bị bệnh nằm viện, đến khi chị sinh con thì anh T cũng không quan tâm, chăm sóc vợ con. Khi chị mang thai được 04 tháng, vì sức khỏe yếu nên chị về nhà mẹ đẻ tại thôn A, xã N, huyện T ở thì anh T ít đến thăm nom chị. Chị sinh con được 01 tháng thì anh T không còn đến thăm nom mẹ con chị tháng 8-2019 cho đến nay. Chị nhận thấy vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm lo lắng, không yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, anh Trần Đức T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để làm việc, hòa giải đoàn tụ và đã triệu tập anh T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên chị Trần Thị Mỹ H đoàn tụ với anh Trần Đức T nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn.

Căn cứ ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị H, anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị Hương và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 8-2019 đến nay; vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được, chị H không muốn tiếp tục kéo dài đời sống chung của vợ chồng nên đã làm đơn xin ly hôn. Anh T cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H. Chị H và anh T không sống chung trong thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, chị H, anh T không còn yêu thương nhau, không có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, chị Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Đức T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng tại Tòa án, có căn cứ xác định vợ chồng chị Trần Thị Mỹ H và anh Trần Đức T có 01 con chung là Trần Trần Nhật L sinh ngày: 24-7-2019. Khi ly hôn, nguyên đơn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của chị Trần Thị Mỹ H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Trần Trần Nhật L chưa đủ 36 tháng tuổi, đang sống với chị H, chị H hiện có đầy đủ điều kiện kinh tế và các điều kiện khác nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt để nuôi con. Còn anh Trần Đức T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ H, giao cháu Trần Trần Nhật L, sinh ngày: 24-7-2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Đức T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6-2020.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp. Anh Trần Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn anh Trần Đức T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Trần Đức T có 01 con chung tên Trần Trần Nhật L, sinh ngày: 24-7-2019. Hiện cháu L đang ở với chị H.

Giao con chung là cháu Trần Trần Nhật L, sinh ngày: 24-7-2019 cho chị Trần Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Đức T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6-2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có; Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0003141 ngày 18-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Trần Đức T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Trần Đức T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Dũng